

Bản án số: **156 /2017/HSPT**
Ngày: 13/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ ***Các Thẩm phán:*** Ông **Trần Văn Đông**.

Ông **Lê Thành Trung**.

+ ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:*** Ông **Võ Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Từ ngày 09 đến ngày 13/11/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 183/2017/TLPT-HS ngày 13/10/2017 đối với bị cáo Võ Hoài A và Nguyễn Đức B do có kháng cáo của bị cáo Võ Hoài A và người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HS-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

+ **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Võ Hoài A (Út) - sinh năm 1997 tại huyện C, Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; con ông Võ Xuân E và bà Phạm Thị Cẩm Ê; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đức B - sinh ngày 15/6/2000 tại huyện C, Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị G; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

+ **Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức B:**

Ông **Nguyễn Đức H**, bà **Nguyễn Thị G**. Cùng trú tại địa chỉ tại: Thôn G, xã Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Ông H vắng mặt; bà G có mặt tại phiên tòa.

+ **Luật sư**: Luật sư **Nguyễn Văn I**- Văn phòng luật sư Văn I, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa - bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức B theo yêu cầu của Tòa án.

Luật sư I có mặt tại phiên tòa.

+ **Người bị hại**: Ông **Đỗ Hữu K**.

Trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Ông K có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 25/10/2016, Nguyễn Đức B đến tiệm Net ở chợ L, huyện C tìm gặp Võ Hoài A để rủ đi mua cau bán kiếm lời, A đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 79T1- 4141 chở B đi đến khu vực chợ L mua 01 con dao dài 23,5 cm dùng làm dụng cụ cắt cau. Sau đó, A chở B đến nhà ông Đỗ Hữu K hỏi mua cau, ông K trả lời không bán rồi đi vào nhà. Thấy vườn cau nhà ông K không có người trông coi nên B rủ A trộm cắp cau, A đồng ý. A dựng xe mô tô trước vườn nhà ông K rồi cả hai vào cắt trộm được 06 buồng cau, A và B mang số cau cắt trộm được ra xếp lên xe mô tô BKS 79T1- 4141 thì bị ông K phát hiện giữ lại. A và B năn nỉ ông K xin được trả tiền số cau đã trộm cắp nhưng ông K không đồng ý. Thấy ông K già yếu, nhân lúc ông K không để ý, A điều khiển xe, ra hiệu cho B nhảy lên xe, rồi tăng ga bỏ chạy cùng với 06 buồng cau thì bị ông K dùng tay nắm yên xe, A tiếp tục cho xe chạy và kéo lê ông K trên đường khoảng 02 mét làm ông K bị thương. B ngồi sau xe dùng con dao đã cắt cau đâm vào tay ông K gây thương tích. Ông K không buông tay mà quật K làm xe mô tô cùng A, B ngã ra đường. B bị ông K giữ lại cùng 06 buồng cau, còn A bỏ chạy về nhà. Trong lúc ông K bị kéo lê trên đường, 01 điện thoại di động hiệu Samsung của ông K bị rơi ra ngoài, hư hỏng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 04/TgT ngày 11/01/2017 của Trung tâm pháp y Khánh Hòa xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của ông Đỗ Hữu K là 09%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/KLĐG ngày 17/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C xác định: 06 buồng cau có giá trị 540.000 đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 39/KLĐG ngày 12/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C xác định chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu đen trị giá 200.000 đồng.

Bản án số 57/2017/HS-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa đã áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 53; Riêng bị cáo B áp dụng thêm Điều 69, Điều 74 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Hoài A **07** (bảy) năm tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B **04** (bốn) năm tù đều về tội “*Cướp tài sản*”. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/8/2017, bị cáo Võ Hoài A kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị xem xét lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngày 06/9/2017, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức B - bà Nguyễn Thị G - kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị xem xét lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, vị luật sư bào chữa cho bị cáo B cho rằng: Hành vi của bị cáo B không phạm tội “Cướp tài sản” vì bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Sau khi bị phát hiện việc hái cau, bị cáo B đã cùng bị cáo A thương lượng để xin được trả tiền nhưng người bị hại không đồng ý. Việc các bị cáo bỏ chạy là do sợ và mục đích là chạy thoát thân. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh cho bị cáo B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A và của đại diện hợp pháp của bị cáo B về phần tội danh, tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản”. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo an tâm cải tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo A và của đại diện hợp pháp của bị cáo B còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo A và B đã khai nhận toàn bộ những hành vi mà các bị cáo đã thực hiện như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai của người bị hại, vật chứng và các chứng cứ khác đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 25/10/2016, Võ Hoài A và Nguyễn Đức B đã có hành vi cắt trộm 06 buồng cau của nhà ông Đỗ Hữu K. Sau khi bị ông K phát hiện, A và B vẫn xếp số cau trộm cắp được lên xe mô tô biển kiểm soát 79T1-4141 và nhân lúc ông K không để ý, A điều khiển xe mô tô 79T1-4141 chở B cùng số cau trộm cắp được bỏ chạy. Khi ông K nắm đuôi xe mô tô 79T1-4141 giữ lại thì A tăng ga, kéo lê ông K trên đoạn đường 2m, B ngồi sau dùng dao cắt cau đâm ông K nhiều nhất gây thương tích nhưng ông K vẫn không thả tay mà còn giật K làm xe mô tô 79T1-4141 cùng A và B ngã xuống đường. Tòa án nhân dân huyện C đã xử phạt các bị cáo Võ Hoài A, Nguyễn Đức B đều về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét nội dung kháng cáo: Kháng cáo của bị cáo A và của đại diện hợp pháp của bị cáo B đều cho rằng hành vi của các bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản” nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Khi bị cáo B cầm 04 buồn Cau từ trong vườn đi ra thì bị ông K phát hiện ngăn lại và truy hỏi, tuy nhiên bị cáo B vẫn xếp số cau này lên xe mô tô 79T1-4141; Khi A nháy mắt ra hiệu, B nhảy lên xe, lúc này trên xe mô tô 79T1-4141 đã có 06 buồn cau mà A và B đã hái trộm của ông K. Như vậy, A và B đã bỏ chạy cùng với số tài sản của người bị hại. Hành vi của A và B đã thể hiện rõ ràng ý chí chiếm đoạt tài sản là 06 buồn cau của ông K.

- Khi B đã nhảy lên xe thì bị ông K níu giữ xe lại. A biết việc này nhưng vẫn tăng ga và kéo lê ông K trên đoạn đường dài 02m. Đây được xem là “*có hành vi khác*”, “*thủ đoạn nguy hiểm khác*” được quy định tại Điều 133 Bộ luật hình sự; Khi thấy ông K không thả tay, B ngồi sau đã cầm dao đâm ông K nhiều nhát. Hành vi dùng xe mô tô kéo lê người bị hại trên đường của bị cáo A và hành vi dùng hung khí gây thương tích cho người bị hại của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 của bộ luật hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm bào chữa cho bị cáo B của vị luật sư Hùng; các kháng cáo của bị cáo A và của đại diện hợp pháp của bị cáo B về phần tội danh đều không có cơ sở để chấp nhận.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo đều nhận thức việc làm của mình là sai trái nhưng vì lòng tham nên đã thực hiện. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự ngang nhiên xem thường pháp luật nên cần phải xử phạt nghiêm, nhằm giáo dục cho các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, trở thành người công dân tốt.

Tuy nhiên xét thấy sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành thật khai báo; ăn năn hối cải; bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại; giá trị tài sản trộm cắp không lớn; Riêng bị cáo B sau khi phát hiện ông K bị chảy máu đã tích cực hỗ trợ, cứu giúp và đưa ông K đi cấp cứu; bị cáo phạm tội ở độ tuổi vị thành niên. Do đó, cần áp dụng Điều 47; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục các bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Bị cáo A và đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức B không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần các kháng cáo của bị cáo Võ Hoài A, của đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức B, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Hoài A, Nguyễn Đức B đều phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Võ Hoài A, Nguyễn Đức B. Riêng bị cáo Nguyễn Đức B còn áp dụng thêm Điều 69, Điều 74 của Bộ luật hình sự.

Tuyên xử:

- **Xử phạt bị cáo Võ Hoài A (Út) 06 (sáu) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.**
Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B 03 (ba) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.**
Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Bị cáo Võ Hoài A và đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức B không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Long